

ĐỀ ÁN

Xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giai đoạn 2021 - 2022

Phần 1

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thị xã Quảng Trị gồm có 5 đơn vị hành chính trực thuộc, với tổng diện tích đất tự nhiên là 7.282,30 ha. Dân số năm 2019 là 23.356 người, gồm 6.522 hộ.

Trong thời gian qua, song song với các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, công tác bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn thị xã đã được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, cùng với sự hưởng ứng tích cực của người dân trong các hoạt động bảo vệ môi trường, chỉnh trang đô thị. Việc xây dựng nhà tiêu tự hoại góp phần ngăn chặn dịch bệnh và các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe người dân, góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và xây dựng văn minh đô thị trên địa bàn thị xã.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua khảo sát thực tế vẫn còn một bộ phận người dân do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế chưa có điều kiện xây dựng nhà tiêu tự hoại, đã làm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của người dân.

Trong bối cảnh khả năng cân đối ngân sách của thị xã, việc bố trí 100% nguồn vốn từ ngân sách để hỗ trợ cho các hộ xây dựng nhà tiêu tự hoại là rất khó khăn. Vì vậy, việc xây dựng *Đề án xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giai đoạn 2021 - 2022* là hết sức cần thiết, nhằm tập trung huy động mọi nguồn lực của xã hội để hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tiêu tự hoại, góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị văn minh, sạch đẹp, nâng cao sức khỏe, chất lượng cuộc sống cho người dân.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Kết luận số 08-KL/TU ngày 13/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thị xã về chỉnh trang và xây dựng văn minh đô thị giai đoạn 2017 - 2020.

Phần thứ 2

THỰC TRẠNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ TIÊU TỰ HOẠI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN HẠN CHẾ

I. THỰC TRẠNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ TIÊU TỰ HOẠI

Trong những năm vừa qua, việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, việc sử dụng nhà tiêu tự hoại đã tạo cho cảnh quan, môi trường sạch sẽ, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho người dân nhất là những người già, trẻ em, góp phần cải thiện đời sống của người dân.

Qua kết quả khảo sát, cho thấy hầu hết các hộ gia đình chưa có nhà tiêu tự hoại là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn về kinh tế không có khả năng về kinh phí để đầu tư xây dựng đã gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và mỹ quan đô thị. Đây là một trong những tiêu chí trong xây dựng xã nông thôn mới (*nhà ở dân cư, thu nhập, y tế, văn hóa, môi trường...*) và Kế hoạch về chỉnh trang và xây dựng văn minh đô thị giai đoạn 2017 - 2020 của UBND thị xã Quảng Trị.

* Kết quả khảo sát, đánh giá

Tổng số hộ trên địa bàn thị xã: 6.522 hộ

Tổng số hộ gia đình chưa có nhà tiêu tự hoại: **212** hộ, chiếm tỷ lệ 3,25 % số hộ trên địa bàn thị xã, *Trong đó:* Phường An Đôn và xã Hải Lệ số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại chiếm tỷ lệ tương đối cao (*An Đôn 3,8 %, Hải Lệ 13,34 %*), cụ thể:

- **Phường 1:** Tổng số hộ 1.221 hộ, tổng số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại: 18 hộ, chiếm tỷ lệ: 1,47 %, *trong đó:*

Hộ nghèo: 02 hộ

Hộ cận nghèo: 05 hộ

Hộ gia đình khó khăn khác: 11 hộ

- **Phường 2:** Tổng số hộ 1.543 hộ, tổng số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại: 10 hộ, chiếm tỷ lệ: 0,65 %, *trong đó:*

Hộ nghèo: 02 hộ

Hộ gia đình khó khăn khác: 08 hộ

- **Phường 3:** Tổng số hộ: 2.190 hộ, tổng số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại: 15 hộ, chiếm tỷ lệ: 0,68 %, trong đó:

Hộ nghèo: 06 hộ

Hộ gia đình khó khăn khác: 9 hộ

- **Phường An Đôn:** Tổng số hộ 421 hộ, tổng số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại: 16 hộ, chiếm tỷ lệ: 3,80 %, trong đó:

Hộ nghèo: 04 hộ

Hộ cận nghèo: 04 hộ

Hộ gia đình khó khăn khác: 08 hộ

- **Xã Hải Lệ:** Tổng số hộ 1.147 hộ, tổng số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại: 153 hộ, chiếm tỷ lệ: 13,34 %, trong đó:

Hộ nghèo: 09 hộ

Hộ cận nghèo: 14 hộ

Hộ gia đình khó khăn khác: 130 hộ

(Bảng 1: Tổng hợp số liệu hộ chưa có nhà tiêu tự hoại)

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, trên địa bàn thị xã vẫn còn 212 hộ gia đình chưa có nhà tiêu tự hoại, mà nguyên nhân chủ yếu là do các hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có kinh phí để đầu tư xây dựng.

UBND các phường, xã chưa chủ động nắm thông tin, xây dựng kế hoạch, đề xuất bố trí ngân sách, huy động nguồn vốn xã hội hóa để hỗ trợ đầu tư xây dựng và sử dụng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn cải thiện môi trường, điều kiện xây dựng và sử dụng nhà tiêu tự hoại.

Việc tiếp cận các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, các nguồn thông tin kiến thức về vệ sinh môi trường trong sinh hoạt hằng ngày của một số bộ phận người dân còn hạn chế.

Phần thứ ba NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách, huy động sự đóng góp của nhân dân và mọi nguồn lực xã hội để triển khai có hiệu quả việc đầu tư xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Phần đầu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ 100% hộ dân trên toàn địa bàn thị xã sử dụng nhà tiêu tự hoại, góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị văn minh, sạch đẹp, cụ thể như sau:

- Đến tháng 12/2021, có ít nhất 106 hộ, đạt tỷ lệ 50% số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại ở các phường, xã trên địa bàn được hỗ trợ xây dựng và sử dụng nhà tiêu tự hoại.

- Đến tháng 12/2022, bảo đảm 212 hộ, đạt 100% số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại ở các phường, xã trên địa bàn được hỗ trợ xây dựng và sử dụng nhà tiêu tự hoại.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Đề án được triển khai tại các phường, xã trên địa bàn thị xã Quảng Trị, trong thời gian 2 năm: năm 2021 và năm 2022.

2. Đối tượng

Đề án đề nghị hỗ trợ cho 3 đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo: Gồm 46 hộ được UBND thị xã phê duyệt danh sách theo quy định tại Nghị định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 tại thời điểm xây dựng Đề án.

- Hộ có hoàn cảnh khó khăn: Gồm 166 hộ gia đình có hoàn cảnh kinh tế thực sự khó khăn và chưa có khả năng xây dựng nhà tiêu tự hoại được UBND xã, phường xác nhận tại thời điểm xây dựng Đề án.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nội dung, định mức hỗ trợ

Tổng dự toán kinh phí đầu tư cho 01 công trình (làm tròn) là: **16.300.000 đồng**, Trong đó: Chi phí mua vật liệu: 9.800.000 đồng, Chi phí nhân công, chi phí khác: 6.500.000 đồng.

(Bảng 2: Dự toán kinh phí)

- Nội dung, định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí để mua vật liệu xây dựng 01 công trình, cụ thể số tiền như sau:

+ Đối với hộ nghèo: Mức hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ.

+ Đối với cận nghèo: Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ.

+ Đối với hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ.

2. Tổng kinh phí thực hiện

- Đối với hộ nghèo: 23 hộ x 16.300.000đ/công trình = 374.900.000 đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 23 hộ x 7.000.000 đồng/hộ = 161.000.000 đồng, người dân đóng góp: 213.900.000 đồng.

- Đối với hộ cận nghèo: 23 hộ x 16.300.000đ/công trình = 374.900.000 đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 23 hộ x 6.000.000 đồng/hộ = 138.000.000 đồng, người dân đóng góp: 236.900.000 đồng.

- Hộ khó khăn khác: 166 hộ x 16.300.000đ/công trình = 2.705.800.000 đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 166 hộ x 4.000.000 đồng/hộ = 664.000.000 đồng; người dân đóng góp: 2.041.800.000 đồng.

* **Tổng kinh phí:** Tổng kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2022 là: 3.455.600.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng);

Trong đó:

a) Kinh phí người dân đóng góp: 2.492.600.000 đồng

b) Ngân sách thị xã hỗ trợ: **963.000.000** đồng

- Năm 2021: **539.000.000** đồng

- Năm 2022: **424.000.000** đồng

Trong năm 2021, bố trí kinh phí để xây dựng 106 công trình nhà tiêu tự hoại cho 46 hộ nghèo, cận nghèo và 60 hộ khó khăn khác, trong trường hợp các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo không thực hiện thì chuyển sang hộ khó khăn khác.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách thị xã hỗ trợ, hộ gia đình đóng góp và huy động các nguồn xã hội hóa khác.

IV. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

1. Khái niệm nhà tiêu tự hoại

Nhà tiêu tự hoại là nhà tiêu dội nước, bể chứa và xử lý phân kín, nước thải không thấm ra bên ngoài, phân và nước tiểu được lưu giữ trong bể chứa và được xử lý trong môi trường nước (theo Thông tư 07/2011/TT-BYT, ngày 24/6/2011 của Bộ Y Tế).

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà tiêu tự hoại

2.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng

- Diện tích tối thiểu nhà tiêu tự hoại là 2 m²

- Tường nhà vệ sinh được xây bằng gạch hoặc bờ lô dày 12cm; Mác 75, xây tô hoàn chỉnh, tường quét sơn hoặc vôi, kích thước tối thiểu chiều dài 1,6m; chiều rộng 1,2m; chiều cao 2,2m.

- Mái sử dụng vì kèo bằng gỗ hoặc sắt hộp, mái lợp tôn hoặc Fibrô xi măng

- Nền được la láng xi măng vữa đánh màu dày 2cm, Mác 100 hoặc lát gạch men. Bệ xí xôm, bồn sản xuất sẵn.

- Hầm chứa nhà tiêu tự hoại gồm 3 hầm phốt: Hầm 1 có kích thước dài 1,2m; rộng 1,0m; cao 1,5m. Hầm 2 có kích thước dài 1,2m, rộng 0,6m; cao 1,5m. Hầm 3 còn gọi là bể thấm có kích thước dài 0,6m, rộng 0,7m; cao 0,7m.

- Tường hầm phốt được xây bằng bờ lô dày 20cm. Tô, trét chống thấm.

- Cửa đi và cửa sổ được làm bằng gỗ hoặc sắt hộp, tôn mạ kẽm có sơn.

- Đáy hố ga được đổ bê tông, cốt thép, bê tông dày 15 cm, mác 250, sắt 10, được đổ trên nền đất, cát được đầm nén chặt.

- Nắp hố ga đổ bê tông, cốt thép dày 10 cm, bê tông mác 250, sắt 10, được đúc rời theo kích thước tương ứng các hầm phốt và lắp đặt, trét kín sau khi hoàn thành việc xây tô các hố ga.

Tùy theo diện tích đất đai, khả năng kinh phí đóng góp ...các hộ gia đình có thể mở rộng, thay đổi kết cấu, vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên; đối với các hộ không có đất làm mặt bằng xây dựng thì sử dụng bể phốt thông minh (có sẵn trên thị trường) được lắp đặt. Việc xây dựng nhà tiêu tự hoại có thể kết hợp chung tường với nhà bếp, công trình phụ khác... nhưng phải bảo đảm diện tích và tiêu chuẩn quy định.

(Có bản vẽ thiết kế và dự toán chi tiết kèm theo)

1.2. Yêu cầu về vệ sinh trong xây dựng

- Bể chứa và xử lý phân không bị lún, sụt, rạn nứt, rò rỉ;

- Nắp bể chứa và bể xử lý phân được trát kín, không bị rạn nứt;
- Mặt sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng và không đọng nước, trơn trượt;
- Bệ xí có nút nước kín;
- Có mái lợp ngăn được nước mưa; cửa và xung quanh nhà tiêu được che chắn kín đáo, bảo đảm mỹ quan;
- Ống thông hơi có đường kính trong ít nhất 20mm, cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 400mm;
- Nước thải từ bể xử lý của nhà tiêu tự hoại phải được chảy vào cống hoặc hố thấm, không chảy tràn ra mặt đất.

1.3. Yêu cầu về vệ sinh trong sử dụng và bảo quản

- Thiết kế nhà vệ sinh tiện ích, tránh được nắng, mưa nhất là mùa mưa rét bảo đảm sức khỏe cho người dân, nhất là các đối tượng người già và trẻ em... có tính thẩm mỹ, tạo sự thoải mái khi sử dụng; phù hợp với văn hóa, thuần phong, mỹ tục của người Việt Nam.

- Sàn nhà tiêu, bệ xí sạch, không dính đọng phân, nước tiểu;
- Không có mùi hôi, thối; không có ruồi, nhặng, gián trong nhà tiêu;
- Có đủ nước dội; dụng cụ chứa nước dội không có bọt gậy;
- Giấy vệ sinh sau khi sử dụng bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;
- Nước sát trùng không được đổ vào lỗ tiêu;
- Phân bùn phải được lấy khi đầy; bảo đảm vệ sinh trong quá trình lấy, vận chuyển phân bùn.
- Nhà vệ sinh phải được bố trí tại vị trí và hướng phù hợp với cảnh quan khu vực xung quanh, phải cách xa giếng nước sinh hoạt (*giếng đào, giếng khoan*) nhằm đảm bảo vệ sinh, môi trường và mỹ quan đô thị.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: UBND các phường, xã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả đề án; phải gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với kết quả tổ chức triển khai thực hiện đề án ở địa phương.

- Công tác tuyên truyền, vận động: Cấp ủy, chính quyền và các ban ngành đoàn thể từ thị đến cơ sở có trách nhiệm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp chung tay cùng nhà nước để thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại.

Vận động tuyên truyền các hộ chưa có nhà tiêu tự hoại hiểu và nhận thức đầy đủ về những giá trị, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của việc sử dụng nhà tiêu tự hoại là bảo đảm tiện lợi trong sinh hoạt, tránh được nắng, mưa, gió lạnh và trơn trượt... góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhất là những đối tượng là người già và trẻ em.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cộng đồng dân cư, UBND các phường, xã tăng cường vận động các tổ chức và các hộ gia đình chưa có nhà tiêu

tự hoại tự nguyện đóng góp kinh phí để xây dựng nhà tiêu tự hoại. Quản lý tốt các nguồn lực đóng góp để thực hiện công tác xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giai đoạn 2021 - 2022.

- Ngân hàng chính sách xã hội và các Ngân hàng Thương mại khác tạo điều kiện thuận lợi để các hộ gia đình vay vốn để đầu tư xây dựng công trình bảo đảm tiến độ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy trình thực hiện

- Hằng năm, UBND các phường, xã thông báo cho các đối tượng được hỗ trợ theo đề án đã được phê duyệt, đăng ký nhu cầu, rà soát lập danh sách và dự toán gửi Phòng TN&MT tổng hợp.

UBND phường, xã tổ chức cho các hộ ký cam kết theo những nội dung như sau:

Tiến độ thực hiện (*thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành*);

Mức đóng góp theo từng đối tượng (*hộ nghèo, cận nghèo và khó khăn khác*), bảo đảm tổng mức đầu tư tối thiểu cho mỗi công trình là 16.300.000 đồng.

Việc xây dựng phải bảo đảm theo thiết kế mẫu cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng công trình đã được phê duyệt.

- Trên cơ sở đề xuất các phường xã, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã rà soát, tổng hợp danh sách phối hợp phòng TC-KH và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, trình UBND thị xã phê duyệt kinh phí để thực hiện.

- Sau khi được UBND thị xã phê duyệt danh sách thực hiện, kinh phí được cấp cho UBND các phường, xã để chi trả hỗ trợ đến từng hộ; khi triển khai được cho tạm ứng 70% kinh phí hỗ trợ và thanh toán 30% còn lại sau khi công trình hoàn thành.

- Sau khi xây dựng hoàn thành, UBND phường xã tiến hành tổ chức nghiệm thu và thanh toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Phân công thực hiện

2.1. UBND các phường, xã

Tổ chức khảo sát, lựa chọn các đối tượng tham gia đề án; việc xem xét, lựa chọn hộ phải bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch; tránh khiếu nại về chính sách, đối tượng hỗ trợ và chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại nếu có.

Tổ chức cho các hộ ký cam kết về tiến độ thực hiện; nguồn kinh phí đóng góp; việc xây dựng phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng công trình... nhằm triển khai hiệu quả đề án.

Xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí gửi phòng Tài nguyên và môi trường tổng hợp trình UBND thị xã phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với hộ gia đình khảo sát lựa chọn vị trí xây dựng công trình bảo đảm vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hộ được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tiêu tự hoại theo đúng quy chuẩn quy định.

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và thanh toán theo quy định.

Tổ chức tuyên truyền vận động các hộ chưa có nhà tiêu tự hoại, nhất là các hộ không thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo tự bỏ kinh phí để đầu tư xây dựng nhà tiêu tự hoại bảo đảm đến năm 2022 các hộ đều có nhà tiêu tự hoại.

2.2. Phòng Tài nguyên - Môi trường

Là cơ quan đầu mối tổng hợp các đối tượng do UBND các phường, xã đề xuất để trình UBND thị xã phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế; UBND các phường, xã và các ngành liên quan tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh môi trường.

Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện đề án hằng năm; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn thì kịp thời báo cáo UBND thị xã chỉ đạo thực hiện.

2.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu UBND thị xã bố trí kinh phí cho phường, xã để tổ chức thực hiện việc xây dựng nhà tiêu theo đề án được phê duyệt;

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2.4. Phòng Quản lý đô thị

Phòng Quản lý đô thị phối hợp với UBND các phường, xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hộ trong việc xây dựng công trình, bảo đảm theo tiêu chuẩn kỹ thuật và dự toán, thiết kế được phê duyệt.

2.5. Phòng Y tế

Phối hợp với UBND các phường, xã và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án. Tổ chức tuyên truyền vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại các phường, xã trên địa bàn.

2.6. Đề nghị UBNDTTQVN, các đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về vệ sinh cá nhân, bảo vệ môi trường và sử dụng nhà tiêu tự hoại bảo đảm tiến độ và mục tiêu của đề án.

Hỗ trợ, vận động đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức của mình tham gia thực hiện đề án.

Tranh thủ các nguồn kinh phí từ các nguồn xã hội hóa (*Doanh nghiệp, nguồn vốn vay, các chương trình mặt trận, đoàn thể ...*) để hỗ trợ cho các hộ thực hiện đề án.

2.7. Các hộ tham gia đề án

Trên cơ sở đề án đã được phê duyệt, các hộ được hỗ trợ kinh phí phối hợp với UBND các phường, xã khảo sát lựa chọn vị trí xây dựng phù hợp. Ký cam kết thực hiện việc xây dựng nhà tiêu tự hoại bảo đảm đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Các hộ gia đình được hỗ trợ từ ngân sách thị xã phải sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền, thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

UBND thị xã yêu cầu UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện đề án, nếu có phát sinh vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời báo cáo về UBND thị xã (qua phòng Tài nguyên môi trường thị xã) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Các Ban HĐND;
- Mặt trận và các đoàn thể thị xã;
- Các Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT, LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Mai Anh

Bảng 1. TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỘ CHƯA CÓ NHÀ TIÊU TỰ HOẠI



STT	Tên phường, xã	Số hộ	Số hộ chưa có nhà tiêu HVS	Trong đó			Ghi chú
				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn khác	
1	Phường 1	1,221	18	2	5	11	
2	Phường 2	1,543	10	2		8	
3	Phường 3	2,190	15	6		9	
4	Phường An Đôn	421	16	4	4	8	
5	Xã Hải Lệ	1,147	153	9	14	130	
Tổng số		6,522	212	23	23	166	



Bảng 2. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Mức đầu tư: 16.300.000 đồng/ Công trình

STT	Tên phường, xã	Tổng số hộ	Số hộ chưa có hồ sơ HVS	Hộ nghèo	Trong đó														Tổng kinh phí (Triệu đồng)
					Kinh phí (Triệu đồng)				Hộ cận nghèo	Kinh phí (Triệu đồng)				Hộ khó khăn khác	Kinh phí (Triệu đồng)				
					Tổng	Chi phí vật liệu	Nhân công	Máy		Tổng	Chi phí vật liệu	Nhân công	Máy		Tổng	Chi phí vật liệu	Nhân công	Máy	
1	Phường 1	1,221	18	2	32.6	19.6	11.6	1.4	5	81.50	49.00	29.00	3.50	11	179.3	107.8	63.8	7.7	293.4
2	Phường 2	1,543	10	2	32.6	19.6	11.6	1.4		0.00	0.00	0.00	0.00	8	130.4	78.4	46.4	5.6	163.0
3	Phường 3	2,190	15	6	97.8	58.8	34.8	4.2		0.00	0.00	0.00	0.00	9	146.7	88.2	52.2	6.3	244.5
4	Phường An Đôn	421	16	4	65.2	39.2	23.2	2.8	4	65.20	39.20	23.20	2.80	8	130.4	78.4	46.4	5.6	260.8
5	Xã Hải Lệ	1,147	153	9	146.7	88.2	52.2	6.3	14	228.20	137.20	81.20	9.80	130	2,119.0	1,274.0	754.0	91.0	2,493.9
Tổng số		6,522	212	23	374.90	225.40	133.40	16.10	23	374.90	225.40	133.40	16.10	166	2,705.80	1,626.80	962.80	116.20	3,455.6

Tổng kinh phí:

3,455.6 triệu đồng

Ba tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng

Bảng 3. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Mức đầu tư : 16,3 triệu /Công trình

S T T	Tên phường, xã	Tổng số hộ	Số hộ chưa có nhà tiêu tự hoại	Phân theo nhóm đối tượng																				Tổng kinh phí (Triệu đồng)	
				Hộ nghèo	Tổng chi phí	Trong đó					Hộ cận nghèo	Tổng chi phí	Trong đó					Hộ khó khăn khác	Tổng chi phí	Trong đó					
						Chi phí vật liệu							Chi phí vật liệu							Chi phí vật liệu					
						Tổng số	Nhà nước hỗ trợ 7tr/hộ	Hộ đóng góp 2,8tr/ hộ	Nhân công 5,8tr/hộ	Máy 0,7 tr/hộ			Tổng số	Nhà nước hỗ trợ 6tr/hộ	Hộ GD đóng góp 3,8tr/hộ	Nhân công 5,8tr/h ộ	Máy 0,7 tr/hộ			Tổng số	Nhà nước hỗ trợ 4tr/hộ	Hộ GD đóng góp 5,8tr/hộ	Nhân công 5,8tr/h ộ		Máy 0,7 tr/hộ
1	Phường 1	1,221	18	2	32.6	19.6	14.0	5.6	11.6	1.4	5	81.5	49.0	30.0	19.0	29.0	3.5	11	179.3	107.8	44.0	63.8	63.8	7.7	293.4
2	Phường 2	1,543	10	2	32.6	19.6	14.0	5.6	11.6	1.4		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8	130.4	78.4	32.0	46.4	46.4	5.6	163.0
3	Phường 3	2,190	15	6	97.8	58.8	42.0	16.8	34.8	4.2		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	9	146.7	88.2	36.0	52.2	52.2	6.3	244.5
4	Phường An Đôn	421	16	4	65.2	39.2	28.0	11.2	23.2	2.8	4	65.2	39.2	24.0	15.2	23.2	2.8	8	130.4	78.4	32.0	46.4	46.4	5.6	260.8
5	Xã Hải Lệ	1,147	153	9	146.7	88.2	63.0	25.2	52.2	6.3	14	228.2	137.2	84.0	53.2	81.2	9.8	130	2,119.0	1,274.0	520.0	754.0	754.0	91.0	2,493.9
Tổng số		6,522	212	23	374.9	225.4	161.0	64.4	133.4	16.1	23	374.9	225.4	138.0	87.4	133.4	16.1	166	2,705.8	1,626.8	664.0	962.8	962.8	116.2	3,455.6

Tổng kinh phí: 3,455,600,000,000 đồng

Ba tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng

Ngân sách hỗ trợ một phần chi phí vật liệu: 7 triệu cho hộ nghèo; 6 triệu cho hộ cận

Trong đó: nghèo và 4 triệu cho hộ khác 963,000,000 đồng

Các hộ đóng góp một phần chi phí vật liệu, cụ thể : Hộ nghèo 2,8 triệu/hộ; Hộ cận
nghèo 3,8 triệu; hộ khó khăn khác là 5,8 triệu và 6,5 triệu chi phí nhân công, chi phí khác 2,492,600,000 đồng

Trong đó: Hộ nghèo 213,900,000 đồng

Hộ cận nghèo 236,900,000 đồng

Hộ khác 2,041,800,000 đồng